

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên thí sinh:Số báo danh :

Mã đề 301

Câu 41: Thiên tai nào sau đây xảy ra ở dải bờ biển Trung Bộ nước ta?

- A. Sạt lở bờ biển. B. Mưa đá. C. Lũ quét. D. Ngập lụt.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 - 14, cho biết cao nguyên nào sau đây thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Sơn La. B. Mơ Nông. C. Mộc Châu. D. Tà Phình.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Chu thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Mã. B. Sông Thái Bình. C. Sông Cả. D. Sông Hồng.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai?

- A. Hồ Kẻ Gỗ. B. Hồ Hòa Bình. C. Hồ Trị An. D. Hồ Thác Bà.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc - đông nam?

- A. Ngân Sơn. B. Hoàng Liên Sơn. C. Đông Triều. D. Bắc Sơn.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết địa điểm nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới của nước ta?

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng. B. Kon Ka Kinh. C. Cù Lao Chàm. D. Bù Gia Mập.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết lát cắt A - B có hướng nào sau đây?

- A. Đông - Tây. B. Tây Nam - Đông Bắc.
C. Tây Bắc - Đông Nam. D. Bắc - Nam.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết đỉnh lũ của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

- A. 8. B. 7. C. 10. D. 9.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng IX?

- A. Nha Trang. B. Thanh Hóa. C. Hà Nội. D. Đà Lạt.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Đất feralit trên đá badan. B. Đất feralit trên đá vôi.
C. Các loại đất khác và núi đá. D. Đất feralit trên các loại đá khác.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?

- A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam với Cam-pu-chia?

- A. Quảng Trị. B. Long An. C. Quảng Bình. D. Quảng Nam.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết dãy núi nào sau đây có độ cao lớn nhất?

- A. Chư Yang Sin. B. Chư Pha. C. Nam Decbri. D. Vọng Phu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Bắc Ninh. B. Thái Bình. C. Ninh Bình. D. Hà Nam.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Pha Phong. B. Kiều Liêu Ti. C. Phu Luông. D. Pha Luông.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có biên độ nhiệt năm nhỏ nhất?

- A. Nha Trang. B. Đồng Hới. C. Hà Nội. D. Thanh Hóa.

Câu 57: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là nơi có nhiều

- A. vịnh biển nông. B. núi cao nhất nước. C. địa hình núi đá vôi. D. cao nguyên badan.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1916,9	181,0	330,3	300,0
Dân số (triệu người)	271,7	15,5	32,8	109,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin. C. Cam-pu-chia. D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 59: Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở vùng núi

- A. Tây Bắc. B. Trường Sơn Bắc. C. Đông Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 60: Vị trí địa lí quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất

- A. cận nhiệt đới gió mùa. B. nhiệt đới ẩm gió mùa. C. cận xích đạo gió mùa. D. ôn đới gió mùa.

Câu 61: Ven biển Nam Trung Bộ do có nhiệt độ cao, nhiều nắng và ít sông lớn đổ ra biển nên thuận lợi để phát triển nghề nào sau đây?

- A. khai thác sa khoáng. B. khai thác dầu khí. C. xây dựng cảng biển. D. sản xuất muối biển.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

**GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á
GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**

(Đơn vị: USD)

Quốc gia \ Năm	2010	2013	2015	2019
Bru-nây	35 268	44 597	30 968	31 087
Cam-pu-chia	786	1 028	1 163	1 643
Xin-ga-po	46 570	56 029	53 630	65 233
Thái Lan	5 075	6 171	5 815	7 808

(Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây thể hiện đúng về GDP bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2019?

- A. Xin-ga-po và Thái Lan tăng không liên tục. B. Bru-nây và Cam-pu-chia giảm liên tục.
C. Bru-nây và Xin-ga-po tăng nhanh liên tục. D. Thái Lan tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

Câu 63: Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Gió mùa Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Bắc. C. Gió Phơn tây nam. D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 64: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Chống nhiễm mặn. B. Đào hồ kiểu vảy cá. C. Trồng cây theo băng. D. Làm ruộng bậc thang.

Câu 65: Vùng đất Việt Nam bao gồm toàn bộ

- A. đất liền và đáy biển. B. đất liền và các hải đảo.
C. đất liền và các quần đảo. D. phần đất trên đất liền.

Câu 66: Phần lãnh thổ phía Nam nước ta

- A. đồng bằng có thể trồng cây nguồn gốc ôn đới. B. có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao.
C. xuất hiện nhiều loài rụng lá vào mùa khô. D. trong rừng có nhiều loài thú có lông dày.

Câu 67: Nấm chuyển tiếp giữa vùng núi và đồng bằng là

- A. các sơn nguyên. B. các cao nguyên. C. vùng núi thấp D. bán bình nguyên.

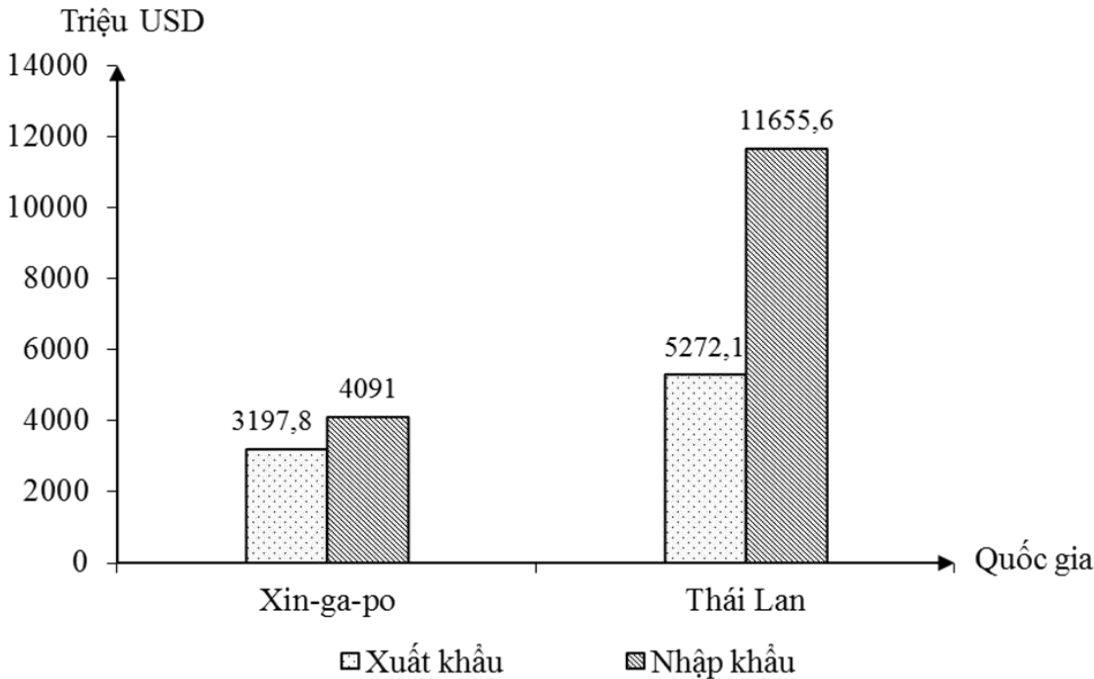
- Câu 68:** Hướng vòng cung là hướng chính của
A. vùng núi Tây Bắc. **B.** dãy Hoàng Liên Sơn. **C.** vùng núi Đông Bắc. **D.** vùng núi Trường Sơn Bắc.
- Câu 69:** Đất feralit chiếm phần lớn diện tích nước ta chủ yếu do
A. khí hậu phân mùa, đá mẹ axit chiếm diện tích lớn.
B. nhiệt độ cao, mưa nhiều, đồi núi thấp là chủ yếu.
C. nhiệt độ cao, mưa phân mùa, có nhiều núi cao.
D. địa hình đa dạng, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Câu 70:** Tính chất nhiệt đới của sinh vật phần lãnh thổ phía Bắc nước ta bị suy giảm chủ yếu là do
A. khí hậu nhiệt đới, địa hình khá đa dạng, tiếp giáp biển Đông.
B. nằm trong vùng nhiệt đới, mùa đông lạnh, nguồn nước dồi dào.
C. nhiều núi cao, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh, đất đa dạng.
D. nằm gần chí tuyến, địa hình phân bậc, có một mùa đông lạnh.
- Câu 71:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2018

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ rừng (%)
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2010	13,4	10,3	3,1	39,5
2015	14,1	10,2	3,9	40,8
2018	14,5	10,3	4,2	41,7

(Nguồn: Tài liệu cập nhật một số thông tin, số liệu trong SGK môn Địa lí, NXBGD Việt Nam)

- Từ bảng số liệu trên, cho biết để thể hiện diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta, giai đoạn 2005 – 2018 thì biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?
- A.** Kết hợp. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Miền.
- Câu 72:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của
A. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình của dãy Trường Sơn Nam.
B. Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.
C. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.
D. gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.
- Câu 73:** Cho biểu đồ về hoạt động xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po và Thái Lan năm 2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po và Thái Lan năm 2019.
 B. Giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po và Thái Lan năm 2019.
 C. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po và Thái Lan năm 2019.
 D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po và Thái Lan năm 2019.
- Câu 74:** Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới ô nhiễm đất?
 A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. B. Canh tác không hợp lý trên đất dốc.
 C. Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. D. Trồng lúa nước làm đất bị gầy.
- Câu 75:** Hạ lưu đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long hàng năm tiến ra biển khá lớn chủ yếu do
 A. địa hình ven biển đa dạng, phù sa biển khá lớn.
 B. xâm thực đồi núi mạnh, thêm lục địa rộng và nông.
 C. hàm lượng phù sa lớn, nhiều dòng chảy ven bờ.
 D. diện tích lưu vực lớn, rừng ngập mặn còn nhiều.
- Câu 76:** Nguyên nhân chính làm cho địa hình khu vực đồi núi của nước ta bị xâm thực mạnh là
 A. nền nhiệt ẩm cao, mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.
 B. thảm thực vật bị phá hủy, sông ngòi có nhiều nước và độ dốc lớn
 C. lượng mưa phân hóa theo mùa, địa hình có độ cao và độ dốc lớn.
 D. mưa lớn tập trung trên nền địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.
- Câu 77:** Lượng mưa ở nước ta có sự phân hóa theo không gian và thời gian là do tác động của các nhân tố nào sau đây?
 A. Địa hình, nhiệt độ, bão, frông, dải hội tụ nhiệt đới.
 B. Khí áp, gió mùa, địa hình, vị trí, dải hội tụ nhiệt đới.
 C. Vị trí, gió mùa, địa hình, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
 D. Nhiệt độ, hướng địa hình, bão, gió mùa, vị trí địa lí.
- Câu 78:** Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa chủ yếu do
 A. địa hình phần lớn là núi cao, quanh năm có nhiệt độ thấp.
 B. địa hình nhiều đồi núi, có các dãy núi cao dọc biên giới.
 C. vị trí đón gió mùa đông bắc, có nhiều cánh cung núi lớn.
 D. nằm gần chí tuyến, gió mùa Đông Bắc hoạt động liên tục.
- Câu 79:** Vùng nào sau đây của nước ta có lũ chủ yếu xảy ra vào thu - đông?
 A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
 C. Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 80:** Cảnh sắc thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc thay đổi là do
 A. hoạt động của gió mùa Đông Bắc. B. sự phân mùa nóng, lạnh trong năm.
 C. tác động của địa hình vùng đồi núi. D. ảnh hưởng của độ cao địa hình.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ 2009 đến nay.
 - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 1 NĂM 2023**Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI****Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**

Câu	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324
41	A	A	C	B	C	C	D	C	A	A	C	B	C	C	D	C	A	A	C	B	C	C	D	C
42	B	C	A	B	A	A	A	C	B	C	A	B	A	A	A	C	B	C	A	B	A	A	A	C
43	A	C	B	C	A	A	D	C	A	C	B	C	A	A	D	C	A	C	B	C	A	A	D	C
44	C	D	A	D	C	B	C	A	C	D	A	D	C	B	C	A	C	D	A	D	C	B	C	A
45	B	B	C	D	C	C	A	D	B	B	C	D	C	C	A	D	B	B	C	D	C	C	A	D
46	C	D	A	A	B	B	A	B	C	D	A	A	B	B	A	B	C	D	A	A	B	B	A	B
47	B	A	B	A	D	B	A	D	B	A	B	A	D	B	A	D	B	A	B	A	D	B	A	D
48	A	A	D	C	C	A	C	A	A	A	D	C	C	A	C	A	A	A	D	C	C	A	C	A
49	B	A	D	B	C	B	A	B	B	A	D	B	C	B	A	B	B	A	D	B	C	B	A	B
50	D	A	A	D	B	A	C	B	D	A	A	D	B	A	C	B	D	A	A	D	B	A	C	B
51	C	C	C	C	B	A	D	B	C	C	C	C	B	A	D	B	C	C	C	C	B	A	D	B
52	B	B	C	C	A	B	B	B	B	B	C	C	A	B	B	B	B	B	C	C	A	B	B	B
53	A	A	B	A	A	A	B	D	A	A	B	A	A	A	B	D	A	A	B	A	A	A	B	D
54	A	A	B	C	C	B	D	D	A	A	B	C	C	B	D	D	A	A	B	C	C	B	D	D
55	B	B	C	D	D	B	B	C	B	B	C	D	D	B	B	C	B	B	C	D	D	B	B	C
56	A	D	B	B	A	A	C	D	A	D	B	B	A	A	C	D	A	D	B	B	A	A	C	D
57	D	A	D	D	D	D	A	C	D	A	D	D	D	D	A	C	D	A	D	D	D	D	A	C
58	C	D	B	D	A	C	B	A	C	D	B	D	A	C	B	A	C	D	B	D	A	C	B	A
59	A	B	B	D	B	C	D	B	A	B	B	D	B	C	D	B	A	B	B	D	B	C	D	B
60	B	C	D	B	B	D	C	B	B	C	D	B	B	D	C	B	B	C	D	B	B	D	C	B
61	D	A	C	D	D	B	D	C	D	A	C	D	D	B	D	C	D	A	C	D	D	B	D	C
62	A	C	A	C	A	B	B	A	A	C	A	C	A	B	B	A	A	C	A	C	A	B	B	A
63	B	C	C	C	D	D	B	B	B	C	C	C	D	D	B	B	B	C	C	C	D	D	B	B
64	A	A	B	A	B	A	B	B	A	A	B	A	B	A	B	B	A	A	B	A	B	A	B	B
65	B	A	B	A	D	A	D	A	B	A	B	A	D	A	D	A	B	A	B	A	D	A	D	A
66	C	A	C	D	B	C	B	C	C	A	C	D	B	C	B	C	C	A	C	D	B	C	B	C
67	D	A	D	A	D	C	D	A	D	A	D	A	D	C	D	A	D	A	D	A	D	C	D	A
68	C	A	B	C	B	D	B	A	C	A	B	C	B	D	B	A	C	A	B	C	B	D	B	A
69	B	A	B	D	D	C	A	C	B	A	B	D	D	C	A	C	B	A	B	D	D	C	A	C
70	C	C	C	A	B	C	A	D	C	C	C	A	B	C	A	D	C	C	C	A	B	C	A	D
71	A	C	C	B	C	D	C	A	A	C	C	B	C	D	C	A	A	C	C	B	C	D	C	A
72	D	C	D	C	B	A	D	C	D	C	D	C	B	A	D	C	D	C	D	C	B	A	D	C
73	B	D	A	D	D	D	D	A	B	D	A	D	D	D	D	A	B	D	A	D	D	D	D	A

74	C	D	B	A	D	B	A	C	C	D	B	A	D	B	A	C	C	D	B	A	D	B	A	C
75	B	C	C	A	B	C	A	B	B	C	C	A	B	C	A	B	B	C	C	A	B	C	A	B
76	D	D	D	D	D	D	B	B	D	D	D	D	D	D	B	B	D	D	D	D	D	D	B	B
77	C	D	A	B	D	B	C	B	C	D	A	B	D	B	C	B	C	D	A	B	D	B	C	B
78	C	B	D	B	D	C	C	C	C	B	D	B	D	C	C	C	C	B	D	B	D	C	C	C
79	D	D	A	C	D	B	D	B	D	D	A	C	D	B	D	B	D	D	A	C	D	B	D	B
80	B	D	A	A	B	C	C	D	B	D	A	A	B	C	C	D	B	D	A	A	B	C	C	D